

## THIÊN HỌC CỦA TRẦN THÁI TÔNG QUA KHÓA HƯ LỤC VÀ THIÊN TÔNG CHỈ NAM

Hoàng Thị Tho<sup>(\*)</sup>

(\*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: hopminhtho@yahoo.com

**Tóm tắt:** *Khóa Hư Lục* là một trong những trước tác có giá trị Phật học cơ bản của Đại Việt, là tiền đề cần thiết cho sự xuất hiện Phật giáo Trúc Lâm. *Khóa Hư Lục* trình bày những nội dung tâm đắc nhất của Trần Thái Tông về Thiên Phật giáo Đại thừa. Đặc biệt, *Lời tựa* của *Thiên Tông Chỉ Nam* có ý nghĩa như kim chỉ Nam cho Phật giáo Đại Việt. Bài viết này tập trung làm rõ một số nội dung về: Bối cảnh Phật giáo Đại Việt thời Trần và các trước tác của Trần Thái Tông; Thiên học của Trần Thái Tông trong *Khóa hư lục*; Thiên học của Trần Thái Tông trong *Lời tựa Thiên Tông chỉ nam*; từ đó đưa ra một số nhận định về giá trị tư tưởng Phật học và Thiên học của Trần Thái Tông.

**Từ khóa:** Phật giáo Thiên tông Đại Việt, trước tác của Trần Thái Tông, Phật học, Thiên học, *Khóa Hư Lục*, *Lời tựa Thiên Tông Chỉ Nam*.

*Ngày nhận bài:* 21/07/2024; *ngày phản biện:* 22/07/2024; *ngày sửa chữa:* 20/08/2024; *ngày duyệt đăng:* 15/10/2024.

### 1. Mở đầu

Chủ đề Trần Thái Tông có ảnh hưởng như thế nào đối với toàn bộ tiến trình hình thành Thiên Trúc Lâm đã được nghiên cứu khá nhiều khi bàn đến Phật giáo thời Lý Trần cũng như về Phật giáo Việt Nam. Trần Thái Tông được đánh giá cao như một vị vua sùng Phật, am hiểu Phật học, Thiên học, và là người đã để lại nhiều trước tác có giá trị như tiền đề tư tưởng cho

Thiên Phật giáo Việt Nam. Trên cơ sở tiếp thu nhiều thành tựu đi trước, bài viết sẽ tập trung làm rõ tư tưởng Thiên của Trần Thái Tông qua tác phẩm *Khóa Hư Lục* và phần “Lời tựa” của *Thiên Tông Chỉ Nam* để thấy rõ hơn những tư tưởng thực sự chuẩn bị về lý luận Phật học và Thiên học cũng như cho thực tiễn tu hành để Phật giáo Đại Việt phát triển độc lập và có thể đóng góp tích cực trên nhiều phương diện,

tạo nên những đỉnh cao thành công rực rỡ của quốc gia Đại Việt thời Trần.

Từ tiếp cận lịch sử tư tưởng Phật học và Thiên học nói chung và Phật học, Thiên học của Phật giáo Việt Nam nói riêng để làm rõ tư tưởng của Trần Thái Tông qua hai tác phẩm *Khóa Hư Lục* và “Lời tựa” của *Thiền Tông Chỉ Nam*, bài viết đồng thời vận dụng tiếp cận triết học để làm rõ các nội dung bản thể luận, nhận thức luận, giải thoát luận của Trần Thái Tông trong các trước tác nói trên. Các phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh, đối chiếu của ngành khoa học xã hội cũng được sử dụng để đi từ phân tích bối cảnh Phật giáo Đại Việt của các trước tác của Trần Thái Tông, từ đó làm rõ nội dung Thiên học được Trần Thái Tông trình bày một cách uyên áo, sâu sắc trong hai tác phẩm này.

## **2. Bối cảnh Phật giáo đầu thời Trần và trước tác của Trần Thái Tông**

### *2.1. Bối cảnh Phật giáo đầu thời Trần*

Đến thời Lý đã có thêm Thiên tông Thảo Đường nên Phật giáo Đại Việt trước thời nhà Trần đã phát triển cùng lúc 3 dòng Thiền (Tì Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường) và đang dần dần xuất hiện dòng Thiền Yên Tử. Có thể nói, lúc đó Phật giáo Đại Việt có đặc trưng nổi trội là *Phật giáo Thiền Đại thừa* với bề dày du nhập và phát triển cùng lịch sử dựng nước, bảo vệ và phát triển dân tộc

khá thành công.

Sang đầu thời Trần, Phật giáo đã trở thành tôn giáo chính của dân tộc (có thể gọi là quốc giáo). Tuy không có văn bản chính thức nào, nhưng từ người dân lao động đến giới trí thức, hoàng tộc và triều đình đều yêu chuộng Phật giáo và theo đó, khắp nơi đều có chùa làng, chùa của phủ, lộ (tổng trấn), chùa của kinh đô, chùa của vương tôn, quý tộc và cả chùa trong Hoàng cung. Đặc biệt, tu hành thiền định Phật giáo đã trở thành một nét riêng về phẩm cách, đạo hạnh và trí tuệ của Tăng sĩ cũng như Thiền sư, Cư sĩ có học vấn cao và được coi là điển hình lối sống mẫu mực. Các vị quốc sư, cố vấn cho nhà vua và triều đình thời Lý – Trần thường là các cao tăng, Thiền sư lãnh đạo các sơn môn, hệ phái Thiên Phật giáo<sup>1</sup>, thậm chí các vua Trần đương kim đầu triều cũng

<sup>1</sup> Lúc đó Đại Việt đã có các sơn môn như: sơn môn Pháp Vân còn gọi là chùa Cả hay chùa Dầu (xây năm 226); khoảng năm 580 sư Tì Ni Đa Lưu Chi đã tới đây dịch kinh *Đại Thừa Phương Quảng Tổng Trì* và phát triển dòng thiền Tì Ni Đa Lưu Chi; sơn môn Kiến Sơ (thời nhà Đinh) dựng tại làng Phù Đồng vào năm 820 do thiền sư Vô Ngôn Thông mở dòng thiền Vô Ngôn Thông; sơn môn Phật Tích do vua Lý Thánh Tông xây dựng năm 1057, còn gọi là Vạn Phúc Tự; sơn môn Khai Quốc (Trần Quốc) với dòng thiền Thảo Đường do Thiền sư Thảo Đường (được vua Lý Thánh Tông phong Quốc sư) trụ trì từ năm 1069; sơn môn Yên Tử do tổ Hiện Quang khởi xướng, với thiền sư – nhà vua Trần Thái Tông đầu tiên của nhà Trần, mà từ đây vua Trần Nhân Tông đã thống nhất các hệ phái trước đó thành Giáo hội Phật giáo Đại Việt với tư cách Tổ thứ nhất của Thiền Trúc Lâm.

đồng thời là các Thiền sư uyên bác, tạo nên một phong khí thiền của Đại Việt tràn trề sức sống và có ảnh hưởng sâu rộng trên nhiều phương diện (lịch sử, văn chương, hội họa, mỹ thuật, điêu khắc, kiến trúc... lối sống). Có thể nói, Phật giáo ở Việt Nam đến thời kỳ này đã trưởng thành và chín muồi về tư tưởng Phật học và Thiền học cũng như bắt đầu thể hiện nhu cầu cần xây dựng hệ thống lý luận độc lập của Phật giáo Đại Việt.

## 2.2. Trước tác của Trần Thái Tông

Theo *Thánh Đấng Ngũ Lục*<sup>2</sup>, các trước tác của Trần Thái Tông (1218-1277) nói chung đều là những tác phẩm thuộc Phật học và Thiền học, gồm có: *Văn Tập* 1 quyển; *Thiền Tông Chỉ Nam Ca*: 1 quyển; *Thiền Tông Khóa Hư*: 10 quyển (Thích Thanh Từ 2012). Theo Nguyễn Lang, trước tác của Trần Thái Tông được biết là có 6 tác phẩm nhưng mất mát nhiều: *Thiền Tông Chỉ Nam*, *Kim Cương Tam Muội Kinh Chú Giải*, *Lục Thì Sám Hối Khóa Nghi*, *Bình Đăng Lễ Sám Văn*, *Khóa Hư Lục*, *Thi Tập* (Nguyễn Lang 1994: 238). Lê Mạnh Thát tiếp tục tổng hợp, sưu tầm một cách công phu và cho biết riêng *Khóa Hư Lục* có rất nhiều truyền bản<sup>3</sup>. Truyền bản 2 quyển do Tuệ Hiền trùng san, phát hiện được ở chùa Quát Tụ, Yên Thế là bản lưu giữ được nhiều

trước tác của Trần Thái Tông nhất (93 bài). Ngoài ra còn có các truyền bản 3 quyển, 10 quyển và truyền bản 1 quyển (Xem: Lê Mạnh Thát 2004: 166-200).

Đến nay, mặc dù các trước tác của Trần Thái Tông bị mất mát nhiều, song nhờ *Khóa Hư Lục* may mắn được khắc bản nhiều lần nên dù trải qua nhiều thiên tai, địch họa nhưng vẫn giữ được phần lớn tựa quan trọng của một số cuốn như: *Thiền Tông Chỉ Nam Tụ*, *Kim Cương Tam Muội Kinh Tụ*, *Lục Thì Sám Hối Khóa Nghi Tụ*, *Bình Đăng Lễ Sám Văn Tụ*. Hiện nay, *Khóa Hư Lục* là một tài liệu quý về tư tưởng Phật giáo Phật học và Thiền học của Trần Thái Tông, giúp chúng ta hiểu hơn về Phật giáo Đại Việt, đặc biệt là Thiền tông một thời phát triển rực rỡ ở Việt Nam.

<sup>2</sup> *Thánh Đấng Lục* là sách nói về sự tu hành và ngộ đạo của năm vị vua sùng Phật đời Trần: Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông, Trần Anh Tông, Trần Minh Tông.

<sup>3</sup> Theo Lê Mạnh Thát đến nay đã tìm được nhiều truyền bản của *Khóa hư lục*: Truyền **bản 3 quyển** (Thượng, Trung, Hạ) của Huệ Duyên (năm 1631) tại chùa Sùng Quang, đây là bản xưa nhất có tổng số 72 bài; Truyền **bản 3 quyển** (Thượng, Trung, Hạ) của An Thiên Phúc Điền (năm 1840) có tổng số 75 bài, và được trân trọng gọi là “Kinh” – *Khóa Hư Kinh*; Truyền **bản 2 quyển** (Thượng, Hạ) gồm 93 bài, do Tuệ Hiền trùng san tại chùa Quát Tụ, Yên Thế. Bản (in 1883) đã bổ sung được 18 bài so với các truyền bản trước; Truyền **bản 10 quyển** (đã mất) lưu hành thời vua Minh Tông, khoảng trước 1357); Truyền **bản 1 quyển** in năm Canh Tý (1840) muộn nhất, nhưng cũng không đầy đủ.

*Khóa Hư Lục* đến nay đã có nhiều bản dịch Hán - Nôm, Hán - Việt. Bản đầu tiên được cho là do Thiên sư - Lương y Tuệ Tĩnh diễn Nôm từ cuối thế kỷ XIV. Sau đó là các bản dịch Hán - Việt như: Đào Duy Anh dịch (Nhà xuất bản Khoa học xã hội, 1974); bản do Thích Thanh Kiểm dịch (Nhà xuất bản Tôn giáo, 2003); bản muện nhất là do Thích Trí Hải dịch (Nhà xuất bản Tôn giáo, 2015). Tư tưởng của Trần Thái Tông thể hiện trong các truyền bản *Khóa Hư Lục* nói chung không có sai khác, cho thấy chúng đều là do Trần Thái Tông trước tác, và đều sáng tác trong thời gian ông đang ở ngôi đương kim Hoàng Đế, nắm mọi quyền chính trị, kinh tế cao nhất.

Tiếp theo của bài viết này sẽ phân tích tư tưởng Thiên học của Trần Thái Tông qua *Khóa Hư Lục* và *Lời tựa* của *Thiên Tông Chỉ Nam* cùng trong quyển “Thượng” *Khóa Hư Lục*. Ở đây, người viết sẽ dùng bản Trần Thái Tông (2015) do Hòa thượng Trí Hải dịch vì ngôn từ đã hiện đại hóa, dễ hiểu và số bài có nội dung Thiên học trong quyển Thượng cũng đầy đủ.

### 3. Thiên học trong Khóa Hư Lục

*Khóa Hư Lục* là tập hợp các trước tác của Trần Thái Tông, được Phật giáo Việt Nam đánh giá như một kinh điển quan trọng, và cho đến nay được dùng trong

hầu hết các chùa và trường Phật học<sup>4</sup>. *Khóa Hư Lục* là một tác phẩm Thiên học của Phật giáo Việt Nam, là cơ sở lý luận cần thiết cho sự hình thành và phát triển Giáo hội Phật giáo Trúc Lâm dưới sự lãnh đạo của đức pháp chủ - vua Trần Nhân Tông (1258-1308) – cháu của vua Trần Thái Tông.

Nói cách khác, *Khóa Hư Lục* là một giáo trình Phật học được xây dựng trên tinh thần Thiên tông Đại thừa, đi từ bản thể luận đến nhận thức luận và nhân sinh quan một cách có hệ thống, hoặc có thể nhìn theo kết cấu Tam học (Giới, Định, Tuệ) truyền thống Phật học, hoặc nhìn theo tiếp cận Thiên học đi từ nguyên lý Tính Không đến tu tập thiền định hướng nội, làm chủ quy trình buông bỏ, đạt tới vô ngã, vô niệm, lòng lặng... đến trở về với bản tính thanh tịnh (chân tính) vốn có, tức có thể đạt tới giải thoát trong tự tại.

*Khóa Hư Lục* còn được đánh giá là sách giảng về “Thái Hư” (tức Tính Không). Do vậy, trước tác này của Trần Thái Tông có tên là *Khóa Hư Lục*. Tác phẩm được đánh giá là “văn chương rất

<sup>4</sup> Bài nghiên cứu này sẽ dùng trích nguồn từ bản Trần Thái Tông (2015) do Trí Hải dịch, vì ngôn ngữ dịch bản này đã được hiện đại hóa, rất dễ hiểu. Bản này có 2 quyển, với 29 bài: *Quyển thượng* gồm 22 bài, kể cả phần “Bạt hậu” và “Lời dẫn sau khi khắc bản lại” và *Quyển hạ* gồm 7 bài.

điều luyện, chữ ít nghĩa nhiều, chuyên bàn về lý “thiền”, rất cao siêu huyền diệu...” (Trần Thái Tông 1992: 10). Thậm chí *Khóa Hư Lục* còn được kính trọng gọi là “*Khóa Hư Kinh*” và được in nhiều lần nhằm phổ cập rộng rãi trong tầng chúng và giới Thiền gia Đại Việt. “Quyển Thượng” của *Khóa Hư Lục* (2015) gồm 22 bài, trong đó có những bài nổi bật về lý luận Thiền học như: *Kệ Bốn Núi; Phả Thuyết Sắc Thân; Bàn về Giới, Định, Tuệ; Bàn về Niệm Phật; Bàn về Thiền Định; Bàn về Tuệ Giác Sáng Soi; Lời tựa Kinh Kim Cương; Lời tựa Khóa Nghi Sáu Thì Sáu Hối; Niệm Tụng Kệ*. Bài *Lời tựa* của *Thiền Tông Chỉ Nam* rất quan trọng, xin được phân tích riêng trong phần sau.

Ngay đầu “quyển Thượng” trước khi vào các bài luận, Trần Thái Tông đã trình bày bản thể luận Tính Không về tồn tại người. Đây là tiếp cận triết học độc đáo của riêng Phật giáo với học thuyết Tính Không rất biện chứng, hoàn toàn khác các hệ thống triết học đương thời đang vướng vào thái cực Có hoặc Không. *Bản thể luận Tính Không* không phủ định Có hoặc Không, mà nhìn sự tồn tại của vạn vật cũng như bản thể của con người trong sự tương tác của quan hệ Có - Không một cách tương đối, tạm thời (tạm gọi là “giả hợp”,

“vọng”) của rất nhiều các yếu tố (ở con người là tương tác của Ngũ uẩn) không ngừng biến đổi, theo *nguyên lý Duyên khởi*. Biện chứng Tính Không (Duyên khởi) cho thấy mọi cái Có trong sự “giả hợp” nhất thời (vọng động), nên gọi là “vô thường”. Theo đó, mọi sự hóa sinh (kể cả Sinh, Lão, Bệnh, Tử của con người) đều là ảo, nên bản chất thực của con người là Vô ngã. Trần Thái Tông đã nhắc lại học thuyết Vô ngã của đức Phật: “Nguyên bốn đại vốn không, năm uẩn cũng chẳng có” (Trần Thái Tông 2015: 17).

Bài *Kệ Bốn Núi* (Xem: Trần Thái Tông 2015: 19-23) giải trình 4 mốc quan trọng (sinh, lão, bệnh, tử) của nhân sinh, ví như 4 ngọn núi và 4 mùa. Phật giáo quan niệm Sinh là bắt đầu vòng Luân hồi, vì hội đủ Duyên thì sẽ có sinh hóa theo quy luật Vô thường và Duyên khởi, nên đó chỉ là mắt khâu trong chuỗi vô tận. Nhưng sinh linh “có thân” nên có khổ, và sinh là bắt đầu vào “bể khổ”, song gốc rễ lại do mê lầm “Bỏ mất không thân [tức vô Ngã], chịu có thân [tức hữu Ngã]”. Có Ngã thì Ngũ uẩn (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức) sẽ kéo theo “Muôn tượng hình thành chính ở Tâm”. Tới đây, Trần Thái Tông cho lời khuyên hướng đạo là “Nuôi tâm hướng đạo mới bền lâu”, để hướng mọi người

dẫn đến thực hành Thiền định.

Bài *Phả Thuyết Sắc Thân* (Xem: Trần Thái Tông 2015: 26-29) trình bày nhân sinh quan Phật giáo về Khổ và quan niệm Sinh - Tử theo quy luật nghiệp báo luân hồi. Trần Thái Tông khẳng định nếu coi “thân này là gốc khổ” thì đó là sai lầm. Trần Thái Tông giải thích thêm rằng ngũ uẩn, tướng mạo chỉ là gá mượn, ảo giả, bị điều khiển bởi luật vô thường... nên chúng che mắt “bộ mặt vốn có từ xưa (bản tính chân như)”... “chân không” của Vô ngã. Từ đó khẳng định ai cũng có sẵn Bản tính chân như, không thể mất. Trần Thái Tông khuyên, con đường vượt sinh – tử (thoát khổ, thoát tục) là thực hành “giữ giới”, tụng kinh, thiền định để liễu ngộ được chân tính đó ngay trong khổ mà thoát khổ.

Bài *Văn Khuyên Phát Tâm* (Xem: Trần Thái Tông 2015: 19-42) nêu giá trị cao quý của con người nếu phát được tâm đến với “Đạo Thiền”. Bởi vì người đến được với đạo Thiền sẽ có được ba điều khó (được làm người; được sáu căn đầy đủ; được tiếp xúc văn hóa thánh hiền). Trần Thái Tông khẳng định khi được “Đạo Thiền” để tu tập thì sẽ biết trở về “soi vào tâm mình” mà “hiểu thấu tới triệt để” rằng ai cũng có “giác tính Bồ Đề” đầy đủ. Đạo Thiền là con đường tắt đưa “người thoát tục”, dù “phàm hay

thánh, đều đi vào con đường này”.

Các bài *Văn Răn Không Sát Sinh*, *Văn Răn Đừng Trộm Cắp*, *Văn Răn Đừng Ham Mê Sắc*, *Văn Răn Đừng Nói Dối*, *Văn Răn Đừng Uống Rượu* (Xem: Trần Thái Tông 2015: 42-49) đều nêu rõ lời Phật dạy về Ngũ giới để sống thiện lương với chính mình và thiện lương với tất cả chúng sinh. Đó chính là sự trở về với “giác tính Bồ đề” vốn có sẵn của mỗi người, không khác gì các thánh hiền.

Bài *Luận Giới Định Tuệ* (Xem: Trần Thái Tông 2015: 49-50) nêu rõ “Giới, Định, Tuệ là con đường giải thoát” và phân tích mối quan hệ qua lại khăng khít giữa các vai trò quan trọng của Giới, Định, Tuệ trong quá trình tu dưỡng tới giải thoát. Giới, Định, Tuệ là con đường Bát Nhã hướng thiện một cách cân bằng và nhanh nhất để tới giải thoát.

Bài *Bàn Về Thụ Giới* (Xem: Trần Thái Tông 2015: 50-51) phân tích tính ưu trội của người xuất gia thọ giới so với người không xuất gia thọ giới, đó là người chính thức thờ Phật làm thầy, và người thọ giới luôn có trách nhiệm, nghĩa vụ đối với Tăng đoàn và chúng Phật tử như một người hiểu biết và có đức độ.

Bài *Bàn Về Niệm Phật* (Xem Trần Thái Tông 2015: 51-53) giảng về tác

dụng của niệm Phật có thể đẹp sạch ba nghiệp, theo đó mà chia ba trình độ giác ngộ (thượng trí, trung trí, hạ trí). Tuy phân ra ba bậc nhưng Trần Thái Tông nhấn mạnh ý nghĩa quan trọng của niệm Phật ở mức Hạ trí, là diệt được ý niệm ác, trở về với chính Đạo, là thấy được Niết bàn, tìm được “Thường - Lạc - Ngã - Tịnh”. Đây là cơ sở đầu tiên làm nền móng tốt để xây các tầng cao hơn, chứng được quả Bồ đề, vào quả vị Phật cũng căn bản từ cơ sở Hạ trí.

Bài *Bàn Về Thiền Định* (Xem: Trần Thái Tông 2015: 53-54) được Trần Thái Tông phân tích rõ vai trò, vị trí và ý nghĩa diệu dụng, khả thi của Thiền định đối với người tìm giải thoát: để “... thấy được “giác tính” ... dù có thụ và giữ được hết tất cả mọi giới đều trong sạch, mà không tu theo phép tọa thiền, thì sức Định không thể nào sinh ra được. Khi sức Định đã không sinh ra thì không thể đẹp tất vọng niệm, mà lại muốn thấy được chân tính, ấy chẳng khó lắm sao?” Trần Thái Tông dẫn chứng 6 năm thiền định trên Tuyết Sơn của Phật tổ, và các vị thánh của Nho, Lão đều thành tựu nhờ phép Thiền định. Tuy phân tích có nhiều loại thiền định (đi, đứng, nằm, ngồi), song Trần Thái Tông khẳng định ngồi thiền là bước đầu quan trọng nhất “...muốn đẹp tất hết mọi môi nghĩ ngợi,

nên tập ngồi theo phép Thiền định”... [để không bỏ mất] “... tính sáng suốt của mình”. Qua kinh nghiệm tu Thiền của bản thân, Trần Thái Tông chia làm “... bốn phép thiền: một là ... phép tu thiền của ngoại đạo. Hai là... phép tu thiền của phàm phu... Ba là... theo giáo Tiểu thừa. Bốn là, ... phép tu thiền của Đại thừa”. Bài luận này cho thấy Phật giáo thời Đại Việt đang phổ biến phép Thiền định của Đại thừa. Trần Thái Tông đang xây dựng lý luận về Thiền học một cách hệ thống và đưa ra những nhận định riêng về lựa chọn phương pháp ngồi thiền (Đại thừa), phân loại thiền (ngoại đạo, phàm phu, Tiểu giáo, Đại giáo), đồng thời khẳng định ưu việt của Thiền mà các tổ, thánh của tam giáo đều thực hành...

Bài *Bàn Về Tuệ Giác Soi Sáng* (Xem: Trần Thái Tông 2015: 54-55) bàn chuyên về khả năng rèn luyện “trí tuệ soi sáng” (tư duy sáng tạo) của phương pháp Thiền định. Trần Thái Tông khẳng định mối quan hệ khăng khít giữa Định và Tuệ: “Tuệ do Định hiện ra, Định cũng lại từ ở Tuệ ra. Định với Tuệ hai bên dựa vào nhau, không thể bỏ bên nào được”. Trần Thái Tông còn lưu ý thêm những lệch lạc khi chưa kết hợp Tuệ với Định, cũng như các bệnh ảo tưởng dễ vướng. Tại đây, Trần Thái Tông nêu bật ý nghĩa chân lý của nhận thức luận

Bát Nhã (Tĩnh không): “Vắng lặng mà vẫn thường soi. Tuy soi mà vẫn thường vắng lặng” như một công án của Thiền mà chỉ khi tu hành Thiền định sẽ chứng nghiệm được.

Bài *Lời tựa Kinh Kim Cương Tam Muội* (Xem: Trần Thái Tông 2015: 59-62) trước hết khẳng định “đức Thích Ca là thầy” và “kinh *Kim Cương* là giáo Viên, Mãn, Đốn, Thật”... với “pháp môn Thiền, Viên, Bán, Mãn, đều không thiếu...” (Xem: Trần Thái Tông 2015: 60). Đồng thời, Trần Thái Tông đưa thêm thuật ngữ “tự tính Kim cương” để chỉ “Phật tính”, “Chân tâm”, “bản tính chân như” vốn có của con người từ góc độ bản thể luận Tĩnh Không của Thiền học: “Bản tính nhiệm màu... vắng lặng. Thành hoại đều dứt... Có Không xóa hết, đời Đạo san bằng”. Đây cũng là lý luận nền tảng để xây dựng quan điểm về “bình đẳng tự tính” vốn có để dân Việt tự tin đến với Phật giáo, đến với thực hành Thiền định. Từ bản thể luận Tĩnh Không, Trần Thái Tông cho rằng phương pháp Thiền định chính là tự mỗi người “đem trí tuệ sáng suốt soi lại mình” để có thể trở về “thủy giác”, “bản giác” (tuệ vốn sẵn có)... để không “mê và quên mất quê hương, ... nguồn gốc... bộ mặt chính của mình đã có từ xưa”... và “không sa vào hố sinh tử”.

Trần Thái Tông đặc biệt tán thán công đức của đức Thích Ca - vị thầy từ bi “thương xót hết thảy chúng sinh đắm chìm trong bể khổ”... đã để lại *Kinh Kim Cương*, mà các tổ đã coi trọng hơn cả bảo vật. *Kinh Kim Cương* được coi là nền tảng lý luận cho các phương pháp thiền đốn ngộ trên cơ sở phân tích sai lầm của các phương pháp nhận thức thông thường khiến rơi vào vọng niệm, nhị phân, chấp trước... Trần Thái Tông đặc biệt đánh giá cao *kinh Kim Cương*, khẳng định đây là bộ kinh có thể “khai thị cho ai còn mờ tối... như sao Bắc đẩu soi sáng cho những kiến giải sai lầm... là kim chỉ Nam... là nơi nương tựa cho người học”. Song, ông cũng thú nhận bản thân chưa khai thác được hết ý nghĩa sâu xa của kinh điển này.

Bài *Lời tựa Khóa Nghi Sáu Thì Sáu Hối* (Xem: Trần Thái Tông 2015: 63-64) khẳng định “giác tính vốn từ xưa tới nay là trong sạch sáng tròn, toàn vẹn tỏ suốt, vắng lặng như hư không, không một hạt bụi”, song nếu nhờ sáu hối có thể tẩy rửa sạch hết “mọi nghiệp bất thiện chừa góp trong trăm nghìn kiếp” đang che mờ chân tính; hay khẳng định sáu hối như một vị thuốc mà đức Phật cho chúng sinh để “khiến thân tâm được thanh tịnh, rửa sạch lại nguyên như cũ... sạch cả sáu căn tội”. Trần Thái Tông căn cứ vào sáu căn tội để sáng tạo ra sáu thời

sám hối, “mỗi thời sám hối một căn”, và từ đó “chế ra nghi văn đặt tên là “Khoa nghi sáu thời lễ Phật sám hối”.

Bài *Nói Rộng Một Con Đường Hương Thượng* (Xem: Trần Thái Tông 2015: 65-70) bàn rất chuyên sâu về tư tưởng thiền học. Ở đây, Trần Thái Tông nhấn mạnh tính siêu vượt, đầy khó khăn, đầy thách thức của con đường Thiền định qua lời than của các thiền sư đi trước: “Con đường hương thượng nghìn thánh không truyền, người học cố theo cũng chỉ như con vượn và bóng của nó mà thôi”. Ở đây, Trần Thái Tông đã hệ thống lại nhiều câu hỏi căn bản về Thiền là gì, về ý chỉ Thiền ngoài ngôn từ, ngoài suy luận, mà tích lũy lại thành tập hợp các công án, điển tích thiền kỳ đặc, cho thấy không thể dùng tư duy thông thường để giải đáp về bản thể Tính Không. Nhưng Thiền định giúp con người trở vào bên trong để siêu vượt (không chấp trước) quan hệ Có – Không đầy sắc tướng của cuộc sống sinh động, vì “tướng chỉ là cái bóng giả hiện lên ở ngoài tính thôi, nhưng chính nhờ ở những hình tướng giả ở ngoài, mà chứng tỏ tính thật bên trong...”. Trần Thái Tông nhấn mạnh cái khó nhất của Thiền định chính là trở về thẳng bản năng của chính mình: “trước hết phải trừ bỏ ngũ cái và ngũ dục, nghĩa là phải bỏ tham lam, hờn giận, ngu ngơ, dâm lạc, ngờ vực, hối

tiếc, và thanh, hương, vị, xúc, pháp ... chúng làm cho mình mê hoặc và cướp hết công đức của mình...”. Biết được như vậy thì người tu thiền mới có thể tiến xa và hướng thượng, tới giải thoát.

Bài *Môn Ngữ Lục Vấn Đáp* (Xem: Trần Thái Tông 2015: 70-76) thuật lại nhiều cuộc đối đáp (Thiền vấn đáp) giữa vua Trần Thái Tông với Tống Đức Thành về những vấn đề cốt lõi cũng như vướng mắc trong Thiền định. Trước hết, Trần Thái Tông nêu quan điểm bình đẳng giải thoát với mọi chúng sinh vì “Phật tính vốn không có sinh diệt..., nhưng vẫn có đủ vô lượng, vô biên công đức, trí tuệ vô lậu để cứu độ hết thảy chúng sinh,... chúng sinh nào ở đâu, có duyên với Phật đều được Phật độ cho cả, không hề phân biệt”. Song, tự mỗi chúng sinh phải “quét sạch hết được màng vô minh đi rồi, thì giác tính hiện ra trở nên thành Phật ..., đều cùng là một thể tính chân như bình đẳng”.

Nội dung vấn đáp này đã phần nào đi sâu phân tích các cặp phạm trù căn bản như: “Sinh - Diệt”, “Sắc - Không”. Sinh - Diệt chỉ là ảo giả, song mỗi quan hệ và tương tác vận động biện chứng tạo nên Sinh - Diệt của sự sống vô thường “luôn luôn biến đổi không ngừng”, đó chính là “bản tính chân như không bao giờ thay đổi”. Khi giác ngộ và vượt thoát

hình tướng của cặp Sắc - Không, sẽ đạt tới "... thấu triết lý "sắc tức là không, mà không tức là sắc, sắc với không không có gì khác, mà chỉ là một"". Trần Thái Tông tiếp tục khẳng định bản thể luận Tính Không: "... gốc ở chỗ không mà ra, nên cuối cùng cũng lại trở về chỗ không...". Nhưng cái Không đó "... của tâm tức là không chấp trước, không ô uế, không hình tướng, không điên đảo mê nhàm; như như tự tại chứ không phải là không sáng suốt, không giải thoát hay không hỷ xả v.v.". Trần Thái Tông nhấn mạnh không được nhầm lẫn "... chỉ là vô tâm mà đã gọi là đạo... như gỗ đá, không còn hiểu biết chỉ là sai", mà tiêu chuẩn đánh giá Đạo là "... đưa chúng sinh tới chỗ giác ngộ giải thoát, không còn vương si mê ràng buộc, ... đưa loài người tới nơi hạnh phúc hoàn toàn".

Bài *Niệm Tụng Kệ* (Xem: Trần Thái Tông 2015: 77-155) tập hợp các điển tích nổi tiếng của các công án Thiền Trung Hoa gắn liền với lịch sử Thiền Phật giáo từ thời Phật, qua đó tiếp tục giải thích các khái niệm căn bản của triết học Phật giáo Thiền Đại thừa một cách uyên áo, sống động.

#### **4. Thiền học trong Lời tựa của Thiền Tông Chỉ Nam**

*Lời tựa Thiền Tông Chỉ Nam* (Xem: Trần Thái Tông 2015: 55-59) là "bài tựa

trọng đại" như kim chỉ Nam cho Thiền tông của Đại Việt. Đây là tác phẩm đầu tay của Trần Thái Tông, sau 10 năm nghiên cứu kinh điển Đại thừa và thực hành Thiền định nghiêm ngặt, kể từ sự kiện vượt Hoàng thành lên sơn môn Yên Tử, như Trần Thái Tông đã tự kể<sup>5</sup>, lúc đó nhận thức về Phật học và Thiền học của Ngài đã chín muồi, rất uyên thâm và văn chương cũng rất cô đọng, ảo diệu, đặc sắc. Đáng tiếc tác phẩm này chỉ còn *Lời tựa* trong *Khóa Hư Lục*. Song *Lời tựa* này cũng cho thấy hai nội dung có tính cấp thiết của tác phẩm: *Thứ nhất*, về bối cảnh xã hội và con người cụ thể của Trần Thái Tông - vị vua đầu tiên của triều nhà Trần đang tìm kiếm một hệ tư tưởng mới và đã gặp Thiền Phật giáo<sup>6</sup>; *Thứ hai*, về triết lý căn bản của Thiền Phật giáo (bản thể luận, nhận thức luận và giải thoát luận) làm định hướng xây dựng Phật giáo Đại Việt (Thiền Trúc Lâm).

*Lời tựa* của sách *Thiền Tông Chỉ Nam* cho biết Trần Thái Tông có một cuộc đời đầy éo le ngang trái, dù ở ngôi cao trên cả thiên hạ nhưng không thể thoát ra được! Vua có tên gọi là Trần Cảnh, con thứ của Trần Thừa, lúc

<sup>5</sup> "Lời tựa sách *Thiền Tông Chỉ Nam*" trong Trần Thái Tông (2015), Sđd, tr. 58.

<sup>6</sup> Sau khi lên ngôi, xác lập triều đại nhà Trần, vua Trần Thái Tông đã tôn cha mình - Trần Thừa - làm Thái tổ Hoàng Đế.

8 tuổi cưới Lý Chiêu Hoàng (1218 - 1278)<sup>7</sup> và được vợ nhường ngôi năm 1226, là người mang trọng trách khởi đầu triều nhà Trần. Năm 20 tuổi vua vẫn chưa có con, triều đình lo không có người nối dõi và nguy cơ bất ổn trong nội bộ, nên triều Trần, do Trần Thủ Độ (thái sư) dàn dựng, đã buộc nhà vua phải cưới Thuận Thiên (chị gái của Chiêu Hoàng và đang là vợ của Trần Liễu - anh ruột Trần Cảnh - vừa mới có thai), rồi lập lên làm Hoàng hậu, đồng thời giáng Chiêu Hoàng làm Công chúa. Quá đau khổ, Thái Tông nửa đêm lặng lẽ vượt bỏ Hoàng thành lên núi Yên Tử cầu xuất gia với quốc sư Trúc Lâm.

*Lời tựa* cũng cho thấy cuộc khủng hoảng nội tâm của nhà vua đã được hóa giải nhờ thuyết “Phật tại tâm”, “Phật trong tâm” bởi quốc sư Trúc Lâm Phù Vân, với lời khuyên như một công án thiền: “Trong núi vốn không có Phật. Phật ở trong tâm ta. Nếu tâm lắng, tuệ hiện, đó chính là Phật. Nếu bệ hạ giác ngộ được tâm ấy thì thành Phật ngay tại chỗ, không phải đi tìm Phật cực khổ ở bên ngoài” (Trần Thái Tông 2015: 57). Nhà vua trẻ Trần Thái Tông ngay tại đó đã xác định được hướng tìm giải thoát là tại tâm, trở về tâm và đồng thời khẳng định nguyện

vọng tiếp tục theo đuổi con đường giác ngộ như một Thiền sư Cư sĩ Phật giáo, tức là không xa rời, không “xao lãng việc nghiên cứu Phật học” trong lúc vẫn giữ trọng trách ngôi vua. Đặc biệt, định hướng nhập thế của Phật giáo, đối với người lãnh đạo (“quân nhân”) thì thực hành Phật giáo phải hướng tới giải quyết những vấn đề của đất nước, của người dân... bởi vì vua “làm chủ thân dân”, là “cha mẹ dân”. Quốc sư Phù Vân phân tích thêm trách nhiệm và nghệ thuật “trì quốc” của người ở ngôi vua: “Phàm làm vua thì phải lấy ý muốn của thiên hạ, làm điều mong muốn của mình, phải lấy tâm của thiên hạ làm tâm của mình”. Nhà vua trẻ Trần Thái Tông đã giác ngộ nghĩa vụ, trọng trách chính trị của đấng “quân nhân”, để từ đó xác định đường lối trị quốc là vì dân, vì xã tắc theo nguyên tắc có tính dân chủ, nhân văn rất tiến bộ là “lấy ý muốn thiên hạ”, “lấy tâm của thiên hạ” làm ý của mình (Xem: Trần Thái Tông 2015: 58).

*Thứ hai*, cũng ngay đầu *Lời tựa*, Trần Thái Tông đã khẳng định nhân sinh quan Phật giáo với những nguyện

<sup>7</sup> Lý Chiêu Hoàng tức Nữ Hoàng của Đại Việt, cũng là vị vua cuối cùng của triều nhà Lý (trị vì 1224-1225). Danh hiệu đầy đủ của bà là Chiêu Hoàng Đế (昭皇帝) hay Chiêu Thánh Hoàng Hậu (昭聖皇后).

độ lớn (từ, bi, hỷ, xả) của Đức Phật (thế kỷ VI TrCN. ở Ấn Độ) cùng nhiều vị tổ Trung Hoa đã truyền lại báu kinh *Kim Cương* và mở ra “pháp môn Thiền” để cứu vớt chúng sinh làm than nơi bể khổ. Trần Thái Tông khẳng định lại đánh giá về giá trị giải thoát “đốn ngộ” của tổ Huệ Năng qua kinh *Kim cương*, khi Ngài cũng đạt giác ngộ nhờ câu “ung vô sở trụ, nhi kỳ sinh tâm” (không nên trụ trước vào đâu, mới sinh được tâm chân chính) (Xem: Trần Thái Tông 2015: 58).

*Lời tựa* này cho thấy Trần Thái Tông đã xác định rõ khuynh hướng nhập thế cho Phật giáo Đại Việt, và Thiền Trúc Lâm đã tiếp tục phát triển theo định hướng này rất thành công. Đó là tư tưởng Thiền Phật giáo có khả năng cứu “đời”, trên cơ sở tích hợp các thuyết chính trị, đạo đức, lối sống tích cực của tam giáo đương thời ở Đại Việt vì mục đích lớn của dân tộc. Trần Thái Tông khẳng định Phật giáo không của riêng đẳng cấp nào, cũng không phải của riêng tu sĩ. Phật giáo khả thi giúp con người tự tỉnh giác mà thấy được “chân tính” vốn có của mình qua thực hành “pháp môn Thiền” và đạt giải thoát ngay trong cuộc sống: “... Phật pháp, thì không chia Nam, Bắc, ai cũng đều có thể tu chứng được cả, tính tuy có kẻ ngu

người trí, nhưng vẫn cùng giúp cho giác ngộ được..., là phương tiện, ... là con đường tắt ra khỏi vòng sinh tử...” (Trần Thái Tông 2015: 55-56). Do vậy, Phật pháp tạo nên sức kết nối, đoàn kết và huy động sức người, sức của để bảo vệ và xây dựng quốc gia Đại Việt, chống ngoại xâm của Phật giáo thời Trần rất thành công.

*Lời tựa* có đoạn nhấn mạnh đánh giá của Quốc sư Trúc Lâm đối với nội dung và giá trị đặc biệt của sách *Thiền Tông Chỉ Nam*: “Tất cả tâm của chư Phật đều ở cả đây rồi, nên cho san khắc và in ra để chỉ bảo cho người tu hành học hỏi sau này”... để “cho đời sau khỏi bị mê lầm mà còn nổi đời công lao rộng lớn của các thánh hiền đời trước” (Trần Thái Tông 2015: 59).

## **5. Giá trị lý luận và thực tiễn của Thiền học Trần Thái Tông**

Một trong những đóng góp nổi bật từ góc độ lý luận Thiền học, đó là Thiền sư đắc đạo, Nhà vua Trần Thái Tông đã đặt nền móng tư tưởng một cách có hệ thống (từ bản thể luận, nhận thức luận, đến nhân sinh quan giải thoát) cho Phật giáo Thiền tông Đại Việt. Đây chính tiền đề tư tưởng, lý luận cần thiết chuẩn bị cho sự ra đời Thiền Trúc Lâm Yên Tử như một hệ tư tưởng độc lập của Đại Việt.

Thiền học của Trần Thái Tông thực

sự có giá trị định hướng tư tưởng, đạo lý, tôn giáo và thực tiễn lối sống của Đại Việt dưới triều nhà Trần (1226-1400), vì nó không chỉ góp phần khẳng định vị thế Đại Việt trong khu vực Đông Á và Đông Nam Á trên nhiều phương diện, mà công trạng lịch sử nổi trội nhất của Thiền học là góp phần chuẩn bị cho sự thống nhất, tổ chức và khẳng định thành công một Giáo hội Phật giáo (Thiền Trúc Lâm) của Đại Việt, như một Chính giáo của Đại Việt độc lập tự chủ. Đó là sự thống nhất Giáo hội Phật giáo đầu tiên của Đại Việt, rất cần thiết để tạo nên một thời thế mới oanh liệt cho dân tộc không chỉ về quân sự mà cả về văn hóa, tư tưởng, tâm linh của người Việt.

Về thực tiễn, Trần Thái Tông thường đăng đàn thuyết pháp, đối thoại, dạy thiền, khán thoại... và để lại nhiều trước tác (kệ tụng, công án) có giá trị Thiền học, tạo thành một phong khí sinh hoạt lý luận và thực hành Thiền Phật giáo lành mạnh ở Đại Việt thời đó. Trần Thái Tông đã thực sự kết hợp thành công trách nhiệm, nghĩa vụ của bậc quân vương với tinh thần tu học của một Thiền sư Cư sĩ bác học của Phật giáo, đồng thời là người trên ngai cao nhất về quyền lực chính trị, kinh tế, xã hội nên ảnh hưởng của Ngài về chính trị, tôn giáo vô cùng lớn.

Trần Thái Tông đã được đánh giá rất cao "... có công trong việc ổn định và đưa xã hội Việt Nam bước dần vào giai đoạn thịnh vượng sau thời kỳ lộn xộn ... và cũng là người lãnh đạo thắng lợi cuộc đọ sức lần thứ nhất với quân xâm lược Mông Cổ năm 1257-1258. ... Đem lại niềm tin tưởng cho quân sĩ, và niềm tự hào cho dân tộc... là một ông vua có năng lực, tính tình khoan hậu, có tài thơ văn, và có nhiều đóng góp cho đất nước" (Thơ văn Lý - Trần 1989: 19-20).

Về *Khóa Hư Lục*, đây là một tác phẩm Phật học đặc sắc và chuyên sâu về Thiền học của Phật giáo Thiền Đại thừa. Giá trị đặc biệt của *Khóa Hư Lục* là tập hợp nên hệ tư tưởng, đạo đức mới phù hợp với nhu cầu thực tiễn của Đại Việt lúc đó, đáp ứng đòi hỏi hoàn thiện phẩm cách và trí tuệ của các vua sáng, đủ đức độ để giải quyết những mâu thuẫn tư tưởng, mâu thuẫn trong lựa chọn chính trị - tôn giáo và theo đó để lại những chỉ dẫn quý giá, uyên áo về pháp môn tu Thiền định cho người Việt đương thời và cả hậu thế.

Ảnh hưởng của tư tưởng Phật giáo trong *Khóa Hư Lục* cũng chính là ảnh hưởng hệ tư tưởng mà Trần Thái Tông đã lựa chọn, đó là Phật giáo đã trở thành tôn giáo chủ lưu của dân tộc. Các vua Trần (từ vua ông đến vua cha và vua con) đồng thời là các Thiền sư uyên bác,

mẫu mực, sùng Phật giáo đã tạo nên ảnh hưởng rộng khắp, đặc biệt tu hành thiền định Phật giáo đã trở thành một nét đẹp về phẩm cách, lối sống mẫu mực có đạo hạnh và trí tuệ của Tăng sĩ cũng như Thiền sư, Cư sĩ có học vấn cao, tạo nên một phong khí thiền, có ảnh hưởng sâu rộng trên nhiều phương diện lịch sử, văn chương, hội họa, mỹ thuật, điêu khắc, kiến trúc... lối sống Đại Việt.

## 6. Kết luận

*Khóa Hư Lục* của Trần Thái Tông là một tác phẩm Phật học, Thiền học tiêu biểu, đậm tính triết học của Phật giáo thời Trần. Từ tiếp cận triết học - tôn giáo có thể thấy rõ những giá trị tư tưởng triết học - tôn giáo của Phật giáo Việt Nam trên những vấn đề cơ bản, như *bản thể luận, nhận thức luận, nhân sinh quan* của Phật giáo. Từ đó có thể khẳng định, có một Triết học Phật giáo đã thực sự đáp ứng được nhu cầu tư tưởng của dân tộc Việt Nam đủ để khẳng định bản sắc dân tộc Đại Việt. Mặc dù lúc đó đã có các học thuyết về chính trị, nhân sinh và vũ trụ của Nho giáo và Đạo giáo, qua *Khóa Hư Lục* còn cho thấy lịch sử phát triển Phật giáo thời Trần với tư cách một tôn giáo mạnh, đóng vai trò như một nguồn lực “mềm” trên nhiều phương diện: một hệ tư tưởng mới, định hướng

xây dựng tôn giáo của Đại Việt, với đạo đức, tôn chỉ, lễ nghi, phương pháp tu hành thống nhất, quy tụ được lòng dân chuộng Phật giáo vì dân tộc, từ đó cho phép lý giải được những thành tựu rực rỡ của thời Trần có sự đồng hành của Phật giáo thời kỳ này. Từ đó, có thể thấy, *Khóa Hư Lục* thực sự là một di sản trí tuệ của Phật giáo Việt Nam, của người Việt Nam nói chung và của Phật giáo thời Trần nói riêng, mà khi nghiên cứu về Phật giáo Việt Nam không thể bỏ qua.

## Tài liệu trích dẫn

1. Lê Mạnh Thát. 2004. *Trần Thái Tông (Toàn tập)*. Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.
2. Nguyễn Lang. 1994. *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận*. Hà Nội: Nxb. Văn học.
3. Thích Thanh Từ. 2012. *Thánh Đấng Ngừ Lục*. Nguồn: <https://text.123docz.net/document/3984962-thanh-dang-luc-giang-giai.htm>
4. *Thơ Văn Lý - Trần*. 1989. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.
5. Trần Thái Tông. 1992. *Khóa Hư Lục* (dịch giả: Thích Thanh Kiểm, Giáo Hội Phật giáo Việt Nam). Nxb. Thành hội Phật giáo Tp. Hồ Chí Minh.
6. Trần Thái Tông. 2015. *Khóa Hư Lục* (dịch giả: Trí Hải). Hà Nội: Nxb. Tôn giáo.